CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - CTCP

Ngày 31/12/2025	20,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.5%	-	-

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,900 - 31,322
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	422
Số lượng CPLH (CP)	20,999,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	695
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.27
EPS	3,308
P/E	6.1

DT thuần
Q4/25
529
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 88.0| 19.9%
YoY: ▼85.0| -13.9%

LN thuần
Q4/25
37.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.0| 41.9%
YoY: ▲ 6.50| 21.1%

LN sau thuế
Q4/25
28.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.10| 33.8%
YoY: ▲ 4.30| 18.0%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

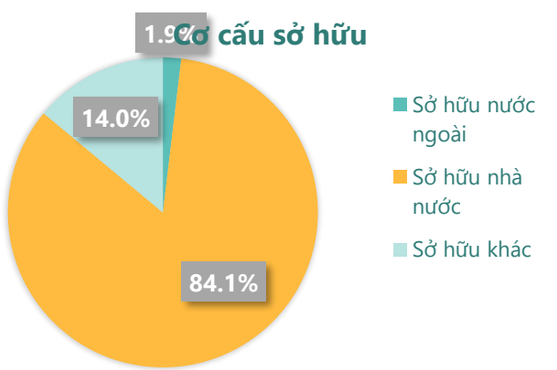
ROE
2025
21.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

DT thuần
2025
1,974
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 126| 6.8%

LN thuần
2025
89.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50| 2.9%

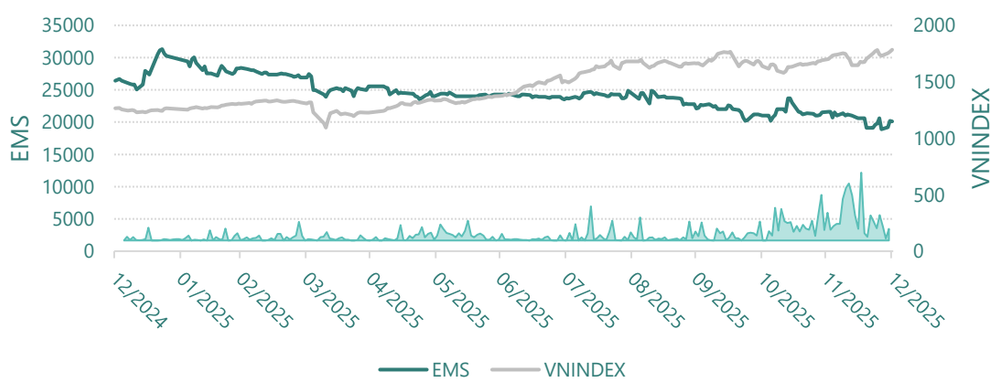
LN sau thuế
2025
69.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.90| 5.9%

Cơ cấu sở hữu

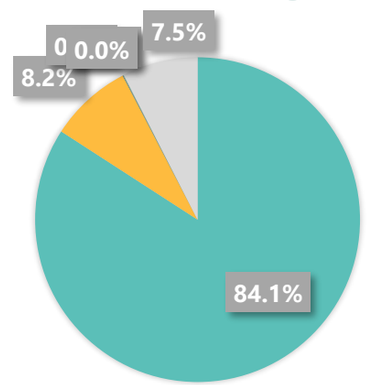


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

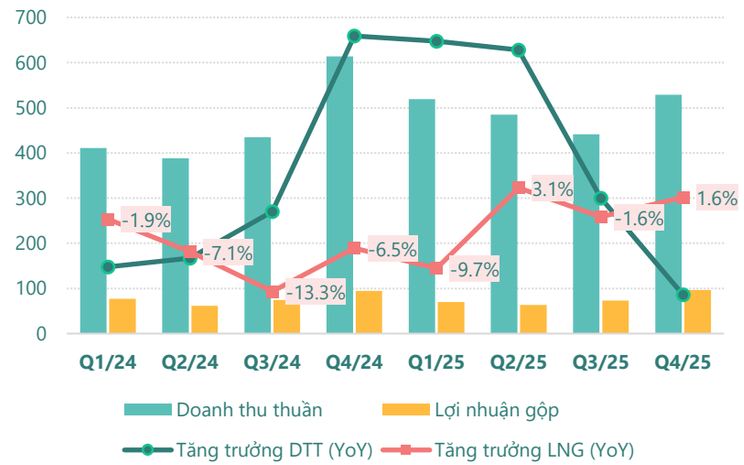




(Nguồn: fireant.vn)

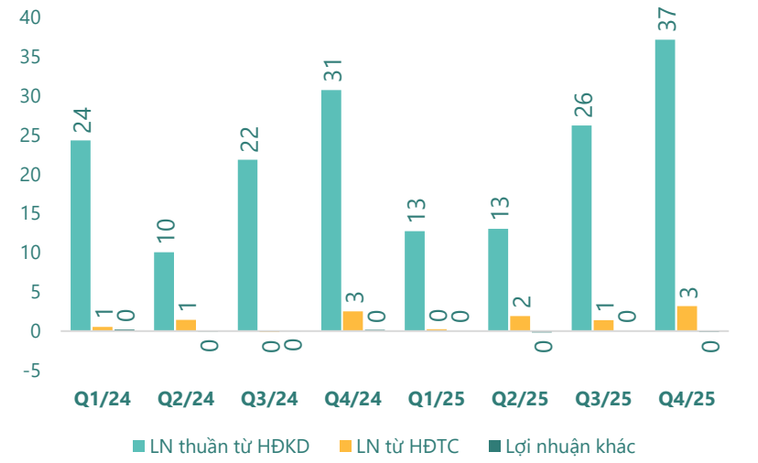
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



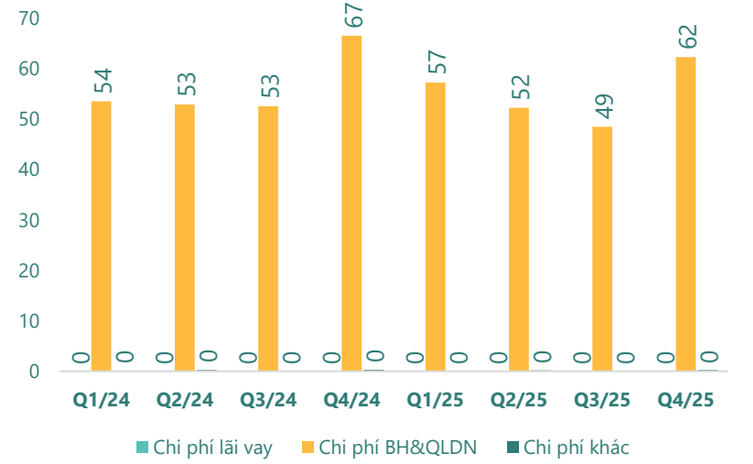
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



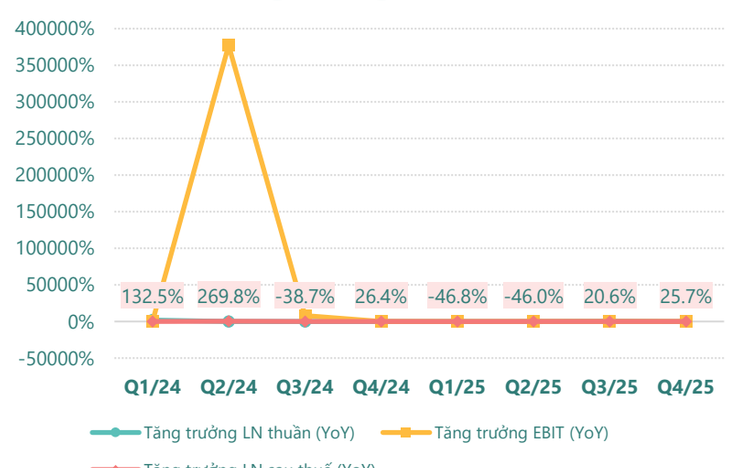
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



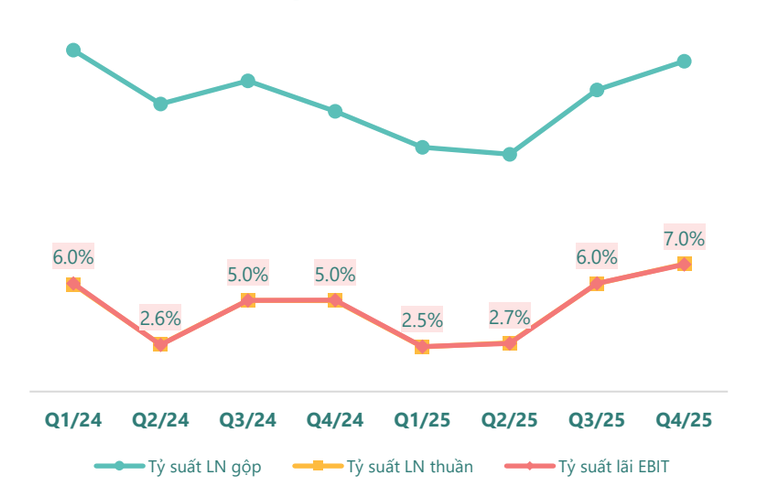
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



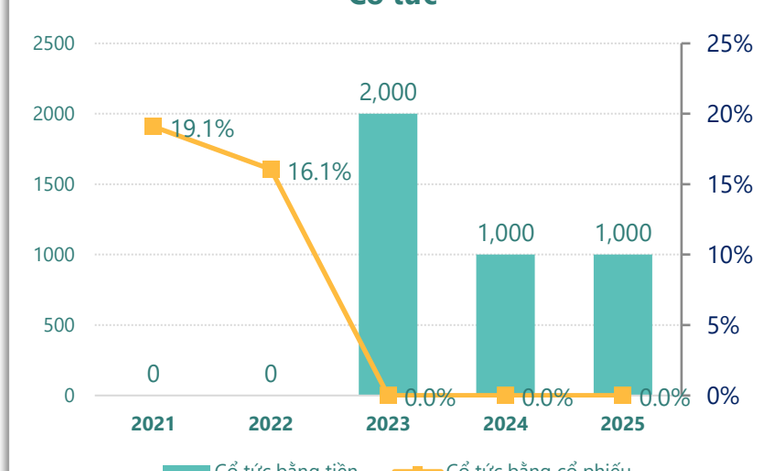
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

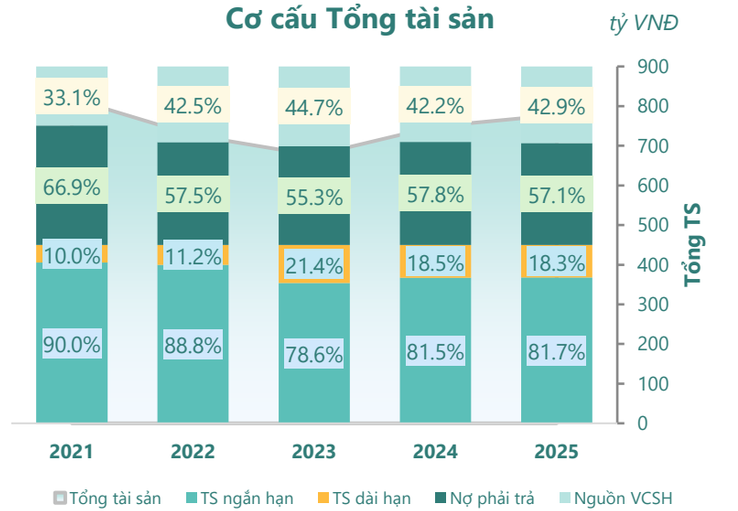
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

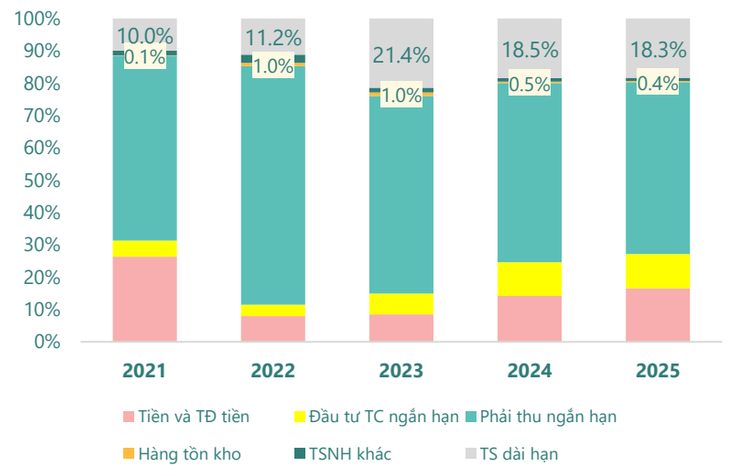
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



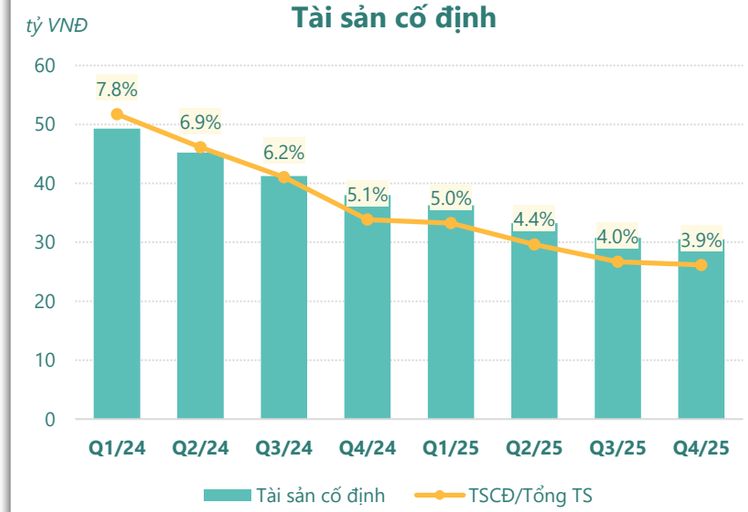
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



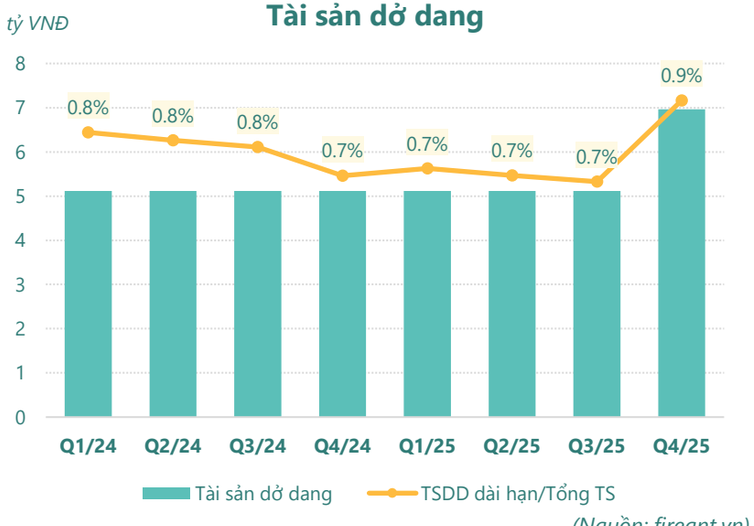
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



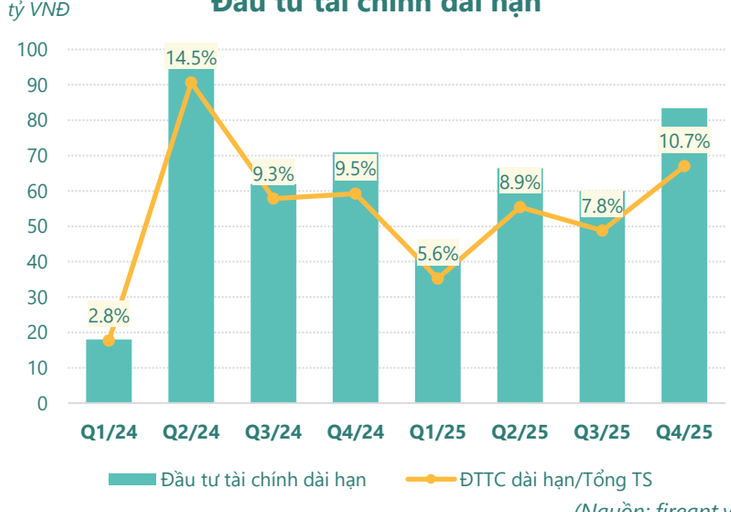
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



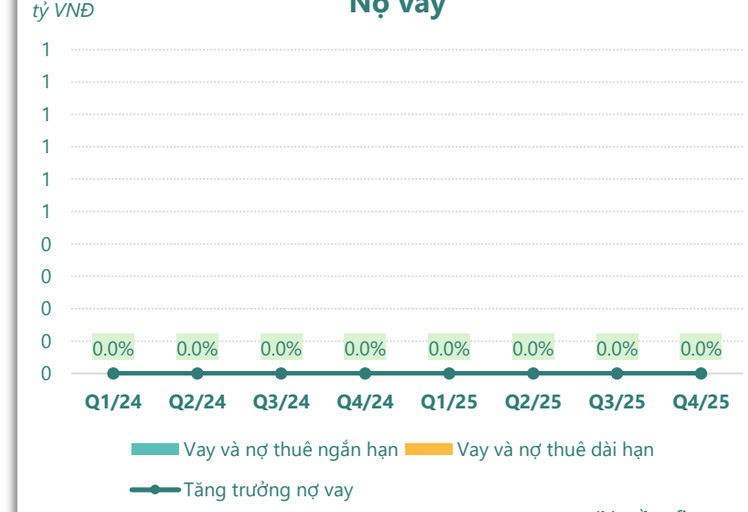
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

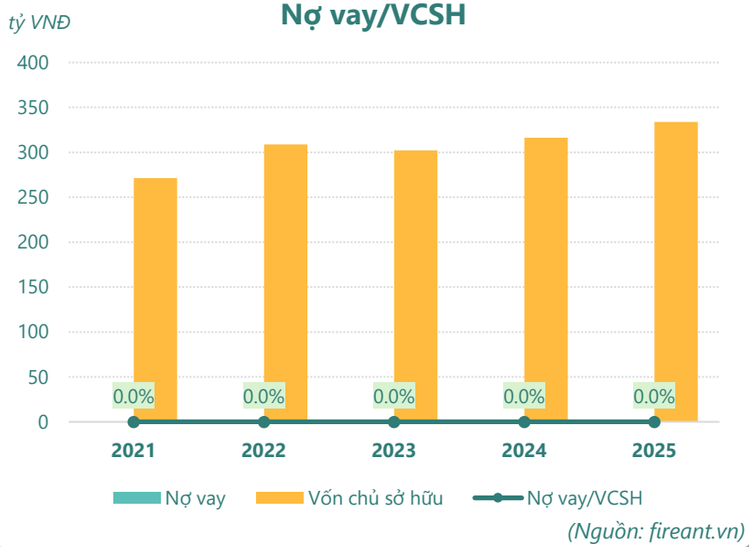
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

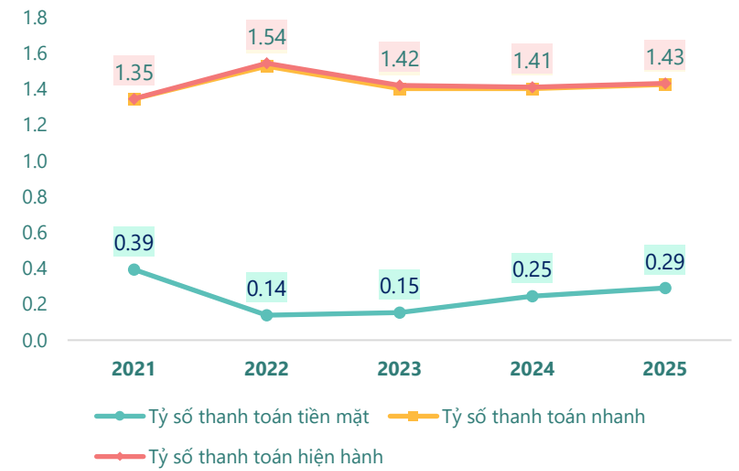
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



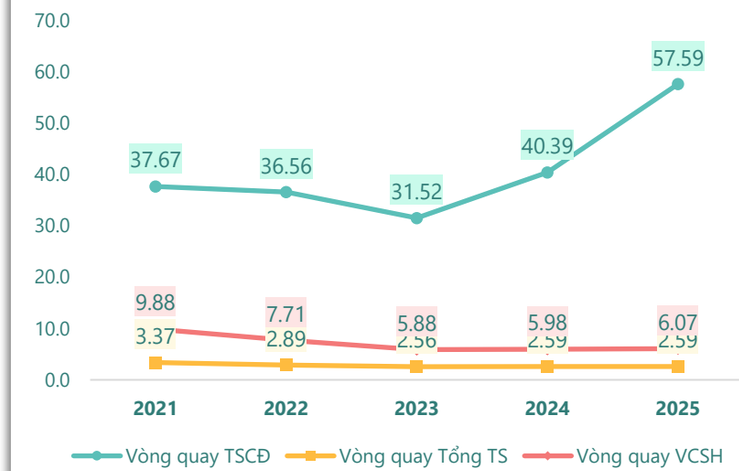
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



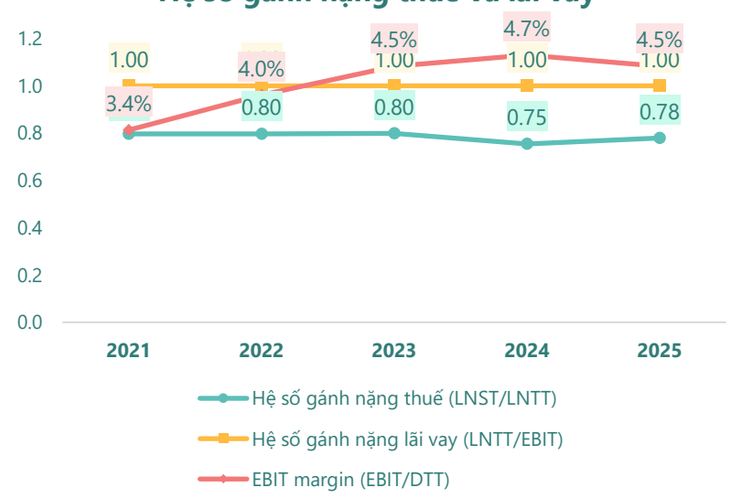
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



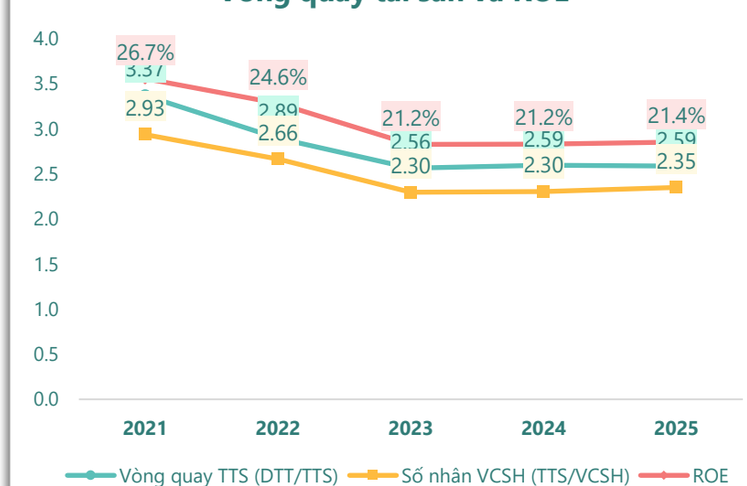
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



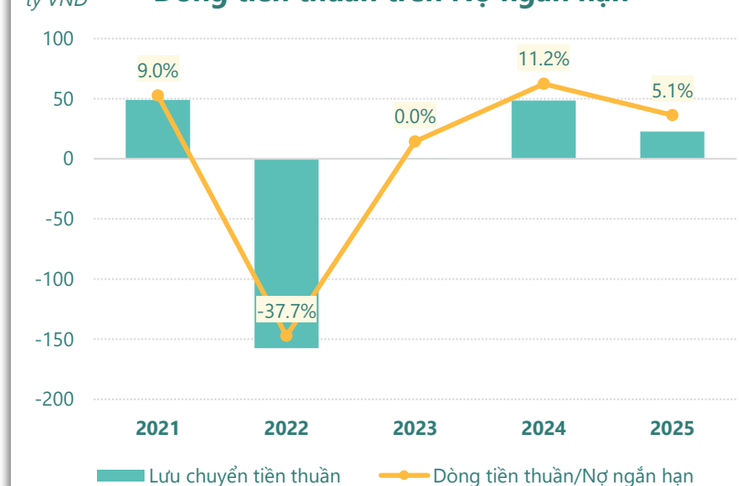
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**529**	**614**	**-13.9%**	**1,974**	**1,848**	**6.8%**
Giá vốn hàng bán	433	519	-16.7%	1,671	1,540	8.5%
Lợi nhuận gộp	96.3	94.8	1.6%	303	308	-1.7%
Doanh thu HĐTC	3.29	2.81	17.1%	8.61	5.46	57.6%
Chi phí TC	0.10	0.28	-63.1%	1.88	1.09	72.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	23.9	28.2	-15.1%	84.1	80.3	4.7%
Chi phí QLDN	**38.4**	**38.4**	**-0.1%**	**136**	**145**	**-6.2%**
LN thuần từ HĐKD	37.2	30.7	21.1%	89.2	86.7	2.9%
Lợi nhuận khác	**-0.14**	**0.16**	**-186%**	**-0.14**	**0.32**	**-143%**
LN trước thuế	37.0	30.9	19.9%	89.1	87.0	2.4%
Lợi nhuận sau thuế	**28.1**	**23.8**	**18.0%**	**69.5**	**65.6**	**5.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.1**	**23.8**	**18.0%**	**69.5**	**65.6**	**5.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	75.2	56.0	-52.5	52.2	-9.94	68.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.8	-18.4	44.3	-48.3	27.7	-38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.06	-17.6	-0.05	0.00	0	-20.7
Tiền đầu kỳ	33.9	85.8	106	98.1	102	120
Lưu chuyển tiền thuần	**52.4**	**20.0**	**-8.24**	**3.88**	**17.8**	**9.26**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.46	0.50	0.03	0.17	0.09	-0.30
Tiền cuối kỳ	85.8	106	98.1	102	120	129

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**778**	**749**	**3.9%**
Tài sản ngắn hạn	635	610	4.1%
Tiền và tương đương tiền	129	106	21.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.3	77.9	5.6%
Phải thu ngắn hạn	413	415	-0.3%
Hàng tồn kho	2.76	3.70	-25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.80	7.84	-0.5%
Tài sản dài hạn	**142**	**138**	**3.0%**
Phải thu dài hạn	11.1	13.2	-15.8%
Tài sản cố định	30.5	38.0	-19.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.97	5.12	36.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	83.4	71.0	17.4%
Tài sản dài hạn khác	**10.5**	**11.0**	**-4.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	444	433	2.6%
Nợ ngắn hạn	**444**	**432**	**2.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	196	185	6.1%
Nợ dài hạn	0.38	0.29	32.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**334**	**316**	**5.6%**
Vốn chủ sở hữu	**334**	**316**	**5.6%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)